



BIỂU MẪU 01

THÔNG BÁO

I. Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024.

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được	- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu - Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay - Thực hiện 1 số việc tư phục vụ, giữ gìn sức khỏe. Nhận biết và tránh 1 số nguy cơ không an toàn - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Tổ chức ăn đạt khẩu phần dinh dưỡng theo quy định: + Tỷ lệ Calo theo cơ cấu: 14-36-50 + Tỷ lệ calo sáng: 18-20% + Tỷ lệ Calo trong ngày 600-651 Kcal/ngày/trẻ. - Có chế độ chăm sóc dinh dưỡng riêng cho trẻ suy dinh dưỡng (SDD) thể nhẹ cân để 02 trẻ SDD thể nhẹ cân ở nhóm 25-36 tháng tuổi tăng cân đều và chuyển kênh bình thường vào cuối năm học. - Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và giáo dục sức khỏe đối với gia đình, nhà	- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu - Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay - Thực hiện 1 số việc tư phục vụ, giữ gìn sức khỏe. Nhận biết và tránh 1 số nguy cơ không an toàn - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Tổ chức ăn đạt khẩu phần dinh dưỡng theo quy định: + Tỷ lệ Calo theo cơ cấu: 14-26-60 + Tỷ lệ calo sáng: 18-20% + Tỷ lệ Calo trong ngày 615-726 Kcal/ngày/trẻ. - Có chế độ chăm sóc dinh dưỡng riêng cho trẻ thừa cân, béo phì ở các lớp mẫu giáo để duy trì số cân nặng hợp lý cho trẻ vào cuối năm học. - Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và giáo dục sức khỏe đối với gia đình, nhà trường, cộng

		trường, cộng đồng. - Chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, bữa ăn cho trẻ. - Rèn luyện thể lực và đảm bảo an toàn.	đồng. - Chăm sóc sức khỏe, vệ sinh, bữa ăn cho trẻ. - Rèn luyện thể lực và đảm bảo an toàn.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2020 về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Căn cứ Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục mầm non; - Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Trường mầm non; Chế độ sinh hoạt - Đón trẻ (60 phút) - Chơi – tập (120 phút) - Ăn chính (60 phút) - Ngủ 150 phút - Ăn phụ: 30 phút - Chơi- tập: 60 phút - Ăn chính: 60 phút Thời gian cho từng hoạt động có thể linh hoạt 5-10 phút.	- Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2020 về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Căn cứ Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục mầm non; - Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Trường mầm non; Chế độ sinh hoạt - Đón trẻ , chơi, thể dục sáng 80 – 90 phút - Học: 30-40 phút - Chơi, hoạt động ở các góc: 40-50 phút - chơi ngoài trời: 30- 40 phút - Ăn bữa chính: 60-70 phút - Ngủ: 150 phút - Ăn bữa phụ: 20-30 phút - Chơi, hoạt động theo ý thích:

			70-80 phút. - Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ: 60- 70 phút
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ. * Về phát triển thể chất - Trẻ khỏe, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Trẻ thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Trẻ thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Trẻ có một số tố chất vận động ban đầu (nhẹn nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Trẻ có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. * Về phát triển nhận thức - Trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Trẻ có sự nhạy cảm của các giác quan. - Trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.	- Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tuổi đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở Tiểu học. * Về phát triển thể chất - Trẻ khỏe, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Trẻ có khả năng phối hợp; vận động, nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Trẻ có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Trẻ có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo an toàn của bản thân. * Về phát triển nhận thức - Trẻ ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ

		- Trẻ có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Trẻ có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. * Về phát triển ngôn ngữ: - Trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Trẻ biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp diễn đạt nhu cầu. - Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Trẻ hồn nhiên trong giao tiếp. * Về phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội - Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Trẻ có khả năng nhận và biểu lộ cảm xúc con người. Sự vật gần gũi. - Trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Trẻ thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình....	nói là chủ yếu. - Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. * Về phát triển ngôn ngữ: - Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày. - Trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Trẻ biểu đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Trẻ có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Trẻ có một số kỹ năng ban đầu về đọc và viết. * Về phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội - Trẻ có ý thức về bản thân. - Trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Trẻ có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Trẻ có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Trẻ thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia
--	--	--	---

		đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. * Về phát triển thẩm mỹ - Trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Trẻ yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Trang bị cơ sở vật chất bán trú để đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng trẻ đạt tốt. - Trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi các nhóm lớp, các đồ chơi phát triển vận động... để đảm bảo tốt hoạt động vui chơi và học tập cho trẻ. - Cải tạo sân chơi, vườn cây của bé, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp. - Thực hiện kết nối mạng Wifi, webshite, eNetviet toàn trường, tạo điều kiện cho việc thông tin, báo cáo, quản lý hoạt động giảng dạy kịp thời. - Tham mưu, phối hợp tại địa phương làm tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong nhà trường.

Quận 7, ngày 18 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Tú Trinh



ỦY BAN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU MẪU 02

THÔNG BÁO

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2023 - 2024**

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			6-18 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	566	16	27	61	142	157	163
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	566	16	27	61	142	157	163
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	566	16	27	61	142	157	163
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	566	16	27	61	142	157	163
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	566	16	27	61	142	157	163
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	535	16	27	60	138	149	145
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân						1	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	566	16	27	61	142	157	163
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì	29	0	0	1	4	7	17

VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	104	16	27	61			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	462				142	157	163

Quận 7, ngày 18 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Tú Trinh



ỦY BAN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON HÒA HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU MẪU 03

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	10.129,46 m ²	15,85 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	546,95	0,88 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	110 m ²	3,66 m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	12,96 m ²	0,43m ² /01 trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	463,3 m ²	0,73 m ²
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	120 m ²	4 m ²
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60 m ²	2 m ²
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	220	7,3 m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	0	Đủ theo thông tư 02

2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	03 (03 máy chiếu hội trường 02 và 01 phòng Steam, 01 Tivi thông minh, 01 bảng tương tác phòng nghệ thuật)	
	- Ti vi	22	19 lớp học 01 sảnh trệt Phòng sảnh thư viện, 01 bảo vệ, 01 Phòng học thông minh
	0 Nhạc cụ (Đàn Organ, ghi ta, trống)	20	05 Đàn phòng nghệ thuật; 05 Phòng Hội trường; lớp học.
	Máy máy photo	01	Thuê
	Catsset		
	Đầu Video/ Đầu đĩa		
	Thiết bị khác		
	Bàn ghế đúng quy cách	20	20 lớp
	Thiết bị khác: Vi tính	20	08 Văn phòng; BGH 03; Văn thư: 02; Y tế: 01; Kế toán thủ quỹ: 02; Bảo vệ: 01 lớp 11 lớp

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh *	20	20	20		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Quận 7, ngày 18 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Tú Trinh



ỦY BAN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON HÒA HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU MẪU 04

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	63	56	02	45	0	03	06	02	20	26	03			
	- Biên chế, Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022	16	02	0	02		0								
I	Giáo viên	43		01	40	0	02	0	0	20	23	39	02	02 Chưa đạt chuẩn	
	GV BC	43	0	01	40	0	02	0	0	20	23	39	02	02 Chưa đạt chuẩn	

	Giáo viên HĐ	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Nhà trẻ	11		01	08	0	02		0	06	05	09	0	02 Chưa đạt chuẩn	
2	Mẫu giáo	32		0	32	0	0		32	17	15	32	0		
II	Cán bộ quản lý	03		01	02					01	02	03			
1	Hiệu trưởng	01		01							01	01			
2	Phó hiệu trưởng	02			02					01	01	02			
III	Nhân viên	17			03		01	06		0	0	0			
STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
1	Nhân viên văn thư	01			01										
2	Nhân viên kế toán	01			01										
3	Thủ quỹ	01			01										
4	Nhân viên y tế	01					01								

5	Nhân viên khác	13													
	- Thư viện														
	- Phong trào														
	- CS cây														
	- Cấp dưỡng	06						06							
	- Phòng giặt														
	- Bảo vệ	03						03							
	- NVphục vụ	04						04							

Quận 7, ngày 18 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Tú Trinh

